

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÙ LAO DUNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/DS-ST.

Ngày 22 - 5 - 2019

V/v “Tranh chấp Đòi lại tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Mỹ Xuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Lệ Hằng.

2. Bà Tiêu Thị Phương Bắc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Văn Thừa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Minh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2018/TLST- DS, ngày 21 tháng 12 năm 2018 về việc “Tranh chấp Đòi lại tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2019/QĐXXST- DS ngày 04 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Huỳnh Thanh M (Huỳnh Văn M), sinh năm: 1950. Cư trú tại: ấp B, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

* Bị đơn: Nguyễn Thị Á, sinh năm: 1960. Cư trú tại: ấp B, xã A, huyện C tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 30 tháng 11 năm 2018, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, nguyên đơn ông Huỳnh Thanh M (Huỳnh Văn M) trình bày:

Theo quyết định thi hành án số: 104/QĐ-THA, ngày 20 tháng 01 năm 2011 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng thì bà Nguyễn Thị Á phải có nghĩa vụ trả cho ông M số tiền là 95.824.798 đồng. Trong quá trình thi hành án bà Á đã trả cho ông M được số tiền là 62.800.000 đồng, còn lại số tiền là 33.024.798 đồng thì hai bên thỏa thuận là đến tháng 4/2017 bà

Ả sẽ trả đủ số tiền 33.024.798 đồng cho ông M và có làm 01 giấy xác nhận nợ là bà Ả còn nợ ông M số tiền là 33.024.798 đồng. Ngày 08 tháng 9 năm 2016 ông M rút lại yêu cầu thi hành án và yêu cầu đình chỉ việc thi hành án, đến tháng 4/2017 thì bà Ả không trả tiền cho ông M như đã thỏa thuận. Ông M có yêu cầu bà Ả trả tiền nhiều lần, nhưng bà Ả không trả tiền cho ông M.

Theo đơn khởi kiện ông M yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Ả phải có trách nhiệm trả cho ông M số tiền gốc là 33.024.798 đồng (*Ba mươi ba triệu không trăm hai mươi bốn ngàn bảy trăm chín mươi tám đồng*), yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa ông M xin thay đổi yêu cầu khởi kiện là yêu cầu bà Ả phải hoàn trả cho ông M số tiền gốc là 33.000.000 đồng (*Ba mươi ba triệu đồng*), không yêu cầu tính lãi.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 21 tháng 02 năm 2019 và Biên bản hòa giải ngày 21 tháng 02 năm 2019 bị đơn bà Nguyễn Thị Ả trình bày: Theo quyết định thi hành án số: 104/QĐ-THA, ngày 20 tháng 01 năm 2011 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng thì bà Ả phải có nghĩa vụ trả cho ông M số tiền là 95.824.798 đồng. Trong quá trình thi hành án bà Ả đã trả cho ông M được số tiền là 62.800.000 đồng, còn lại số tiền là 33.024.798 đồng thì hai bên thỏa thuận là đến tháng 4/2017 bà Ả sẽ trả đủ số tiền 33.024.798 đồng cho ông M và có làm 01 giấy xác nhận nợ là bà Ả còn nợ ông M số tiền là 33.024.798 đồng.

Đến tháng 4/2017 thì bà Ả không có tiền mặt để trả cho ông M số tiền 33.024.798 đồng, nên bà Ả có yêu cầu ông M nhận 01 công đất (1.000m²) để đổi trừ toàn bộ số tiền 33.024.798 đồng, nhưng ông M không đồng ý. Từ đó đến nay bà Ả vẫn chưa hoàn trả cho ông M số tiền 33.024.798 đồng. Bà Ả thống nhất hoàn trả cho ông M số tiền gốc là 33.024.798 đồng, yêu cầu ông M bỏ số tiền lãi, nhưng do hiện nay hoàn cảnh gia đình kinh tế đang gặp khó khăn, nên bà Ả yêu cầu ông M nhận của bà Ả 01 công đất (1.000m²) để đổi trừ toàn bộ tiền còn nợ ông M là 33.024.798 đồng.

* Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

1. Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Trong vụ án này Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn đã chấp hành đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng đối với bị đơn không chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ pháp luật: Theo hồ sơ thụ lý vụ án Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp Hợp đồng vay tài sản, nhưng quá trình làm việc với các bên đương sự thì giữa giữa ông M và bà Ả không có trực tiếp giao nhận tài sản (giao tiền) mà là trong quá trình thi hành án ông M và bà Ả có thỏa thuận là bà

Ả còn nợ lại ông M số tiền phải thi hành án là 33.024.798 đồng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ tranh chấp là tranh chấp Đòi lại tài sản và ông M có quyền đòi lại tài sản theo Điều 166 của Bộ luật dân sự năm 2015. Giữa ông M và bà Ả đều xác định hiện nay bà Ả còn nợ ông M số tiền gốc là 33.024.798 đồng. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự các tình tiết nêu trên là tình tiết không phải chứng minh trong vụ án. Tại phiên tòa ông M thay đổi yêu cầu khởi kiện là chỉ yêu cầu bà Ả phải hoàn trả cho ông M số tiền gốc là 33.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi là có cơ sở. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà Ả phải hoàn trả cho ông M số tiền gốc là 33.000.000 đồng. Đối với yêu cầu của bà Ả yêu cầu ông M nhận 1.000m² để khấu trừ số tiền mà bà Ả còn nợ ông M không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Ả là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà Ả.

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Thanh M (Huỳnh Văn M) là Theo quyết định thi hành án số: 104/QĐ-THA, ngày 20 tháng 01 năm 2011 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng thì bà Ả phải có nghĩa vụ trả cho ông M số tiền là 95.824.798 đồng. Trong quá trình thi hành án bà Ả đã trả cho ông M được số tiền là 62.800.000 đồng, còn lại số tiền là 33.024.798 đồng thì hai bên thỏa thuận là đến tháng 4/2017 bà Ả sẽ trả đủ số tiền 33.024.798 đồng cho ông M và có làm 01 giấy xác nhận nợ là bà Ả còn nợ ông M số tiền là 33.024.798 đồng. Do bà Ả không trả tiền cho ông M đúng hẹn, nên ông M yêu cầu bà Ả phải trả cho ông M số tiền gốc là 33.024.798 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp phát sinh trong vụ kiện này là Tranh chấp Đòi lại tài sản theo Điều 166 của Bộ luật dân sự năm 2015. Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Tại phiên tòa nguyên đơn ông M xin thay đổi yêu cầu khởi kiện là yêu cầu Hội đồng xét xử buộc bà Nguyễn Thị Ả phải hoàn trả cho ông M số tiền gốc là 33.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Xét thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Nguyên đơn ông M yêu cầu bà Nguyễn Thị A phải trả cho ông M số tiền gốc là 33.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Giữa ông M và bà A đều thống nhất là trong quá trình thi hành án bà A đã trả cho ông M được số tiền là 62.800.000 đồng, còn lại số tiền là 33.024.798 đồng thì hai bên thỏa thuận là đến tháng 4/2017 bà A sẽ trả đủ số tiền 33.024.798 đồng cho ông M và có làm 01 giấy xác nhận nợ là bà A còn nợ ông M số tiền là 33.024.798 đồng. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự các tình tiết nêu trên là tình tiết không phải chứng minh trong vụ án.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 21 tháng 02 năm 2019 và Biên bản hòa giải ngày 21 tháng 02 năm 2019 thì bị đơn bà Nguyễn Thị A thống nhất hoàn trả số tiền 33.024.798 đồng cho ông M, nhưng do bà A không có tiền, nên có yêu cầu ông M nhận của bà A 01 công đất (1.000m²) để đổi trừ toàn bộ tiền còn nợ ông M là 33.024.798 đồng, nhưng nguyên đơn ông M không đồng ý nhận đất. Như vậy, giữa nguyên đơn và bị đơn đã thống nhất số tiền còn nợ, nhưng không thỏa thuận được thời gian và cách thanh toán nợ. Tại phiên tòa, ông M yêu cầu bà A phải có trách nhiệm hoàn trả cho ông M số tiền gốc là 33.000.000 đồng là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại Điều 166 của Bộ luật dân sự năm 2015. Vì vậy, cần xử buộc bà Nguyễn Thị A phải có trách nhiệm hoàn trả cho Huỳnh Thanh M (Huỳnh Văn M) số tiền gốc là 33.000.000 đồng (*Ba mươi ba triệu đồng*), không tính lãi.

Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với yêu cầu của bà A yêu cầu ông M nhận của bà A 01 công đất (1.000m²) để đổi trừ toàn bộ tiền còn nợ ông M là 33.024.798 đồng, nhưng ông M không đồng ý. Xét thấy đề nghị này của bà A không thuộc thẩm quyền giải quyết của Hội đồng xét xử, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bà Nguyễn Thị A phải nộp số tiền là 1.650.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; Ông Huỳnh Thanh M (Huỳnh Văn M) không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm. Do ông M thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nên ông M không thuộc trường hợp được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, căn cứ vào Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 92, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 17 Luật phí và Lệ phí; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Thanh M (Huỳnh Văn M).

Buộc bà Nguyễn Thị Á phải có trách nhiệm hoàn trả cho ông Huỳnh Thanh M (Huỳnh Văn M) số tiền gốc là 33.000.000 đồng (*Ba mươi ba triệu đồng*).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày ông M có đơn yêu cầu thi hành án mà bà Nguyễn Thị Á không hoàn trả số tiền 33.000.000 đồng (*Ba mươi ba triệu đồng*) thì hàng tháng bà Á còn phải trả lãi cho ông M đối với số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Á phải nộp 1.650.000 đồng (*Một triệu sáu trăm năm mươi ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm; Ông Huỳnh Thanh M (Huỳnh Văn M) không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm. Do ông M thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nên ông M không thuộc trường hợp được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo bản án: Ông Huỳnh Thanh M (Huỳnh Văn M) có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Á không có mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Cù Lao Dung;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS huyện Cù Lao Dung;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

Hồ Mỹ Xuyên